

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HS-ST

Ngày: 29/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vi Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Thái Quang Định**

Bà **Vũ Thị Xuyên**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mai Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Bích Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đức L**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19/7/1982, tại thành phố C, tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKHKT: Tổ 17, khu 8, phường B, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Tổ 39, khu 7, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Phùng Thị D và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 05/9/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Uông Bí. Có mặt.

**** Người chứng kiến:***

- Anh **Đoàn Thanh C**, Sinh năm: 1974; Địa chỉ: Tổ 3, khu 8, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Anh **Vũ Văn K**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ 17, khu B, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 19 giờ 00 phút ngày 05.9.2021, tổ công tác Công an phường Q - Công an thành phố Uông Bí, trong khi làm nhiệm vụ tại tổ 24B, khu 7, phường Q, thành phố Uông Bí, kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Trần Đức L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra thu giữ tại phía trong túi quần bên trái phía trước L đang mặc có 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (2x2,5)cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. Ngoài ra, Công an còn thu giữ của L 130.000 đồng; 01 điện thoại di động Oppo cùng sim số 0977.503.686 và 0936.558.182.

Bản Kết luận giám định số 1727/KLGD ngày 10/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,233gam.

Cáo trạng số 110/CT-VKSUB ngày 11/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Đức L khai nhận: Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 05/9/2021, khi L đang ở nhà thì nhận được điện thoại của H (bạn xã hội) hẹn L đến đầu ngõ tiệm vàng “Khởi Thor” thuộc tổ 24B, khu 7, phường Q, thành phố Uông Bí để trả tiền H vay trước đó. L đón taxi đến điểm hẹn, đi bộ vào ngõ khoảng 40m gặp H và nói “Mày không định trả tiền à”, H trả lời “Anh cho em thêm một vài ngày nữa em trả, anh cầm tạm túi đồ này về chơi”. H lấy từ trong người ra đưa cho L 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (2x2,5)cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và số tiền 100.000 đồng để L trả tiền taxi. L cầm quan sát thấy đúng là ma túy đá nên cất giấu túi nilon này vào trong túi quần bên trái phía trước để về sử dụng. Sau đó L hỏi H bao nhiêu tiền gói ma túy, H bảo 200.000 đồng và trừ vào số tiền H nợ L. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, L đi bộ quay trở lại phía taxi đang đợi thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện thu giữ số ma túy trên, 01 điện thoại Oppo gắn sim và số tiền 130.000 đồng. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Những người chứng kiến anh Đoàn Thanh C và anh Vũ Văn K đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ phù hợp nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về hình phạt chính:* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Xử phạt:

Bị cáo Trần Đức L mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 05/9/2021.

- *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- *Về vật chứng của vụ án:*

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 1727/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, bên trong chứa ma túy hoàn lại sau giám định.

- Trả lại cho bị cáo Trần Đức L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO cùng 02 sim số: 0977.503.686 và 0936.558.182.

Bị cáo không tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người chứng kiến và phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của vụ án, kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 05/9/2021, tại tổ 24B, khu 7, phường Q, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Trần Đức L có hành vi tàng trữ trái phép 0,233 gam ma túy Methamphetamine, mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm nguy hại nhân phát sinh các loại tội phạm khác trong

cộng đồng, gây mất trật tự trị an xã hội, do đó phải có hình phạt phù hợp và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo cũng như để tăng cường phòng ngừa tội phạm chung.

** Tình tiết tăng nặng:* Không có.

**Tình tiết giảm nhẹ:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bố của bị cáo là ông Trần Văn B được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng:

- 01 phong bì niêm phong số 1727/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, bên trong chứa ma túy hoàn lại sau giám định thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Trả lại cho bị cáo Trần Đức L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO cùng 02 sim số: 0977.503.686 và 0936.558.182 là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Số tiền 130.000đồng thu giữ của L không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho L nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Những tình tiết khác trong vụ án:

Đối với người đàn ông tên H đã bán ma túy cho L, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý, HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Đức L** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đức L 12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 05/9/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 1727/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh;

- Trả lại cho bị cáo Trần Đức L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO cùng 02 sim số: 0977.503.686 và 0936.558.182.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng được mô tả tại Biên bản giao nhận vật ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Đức L phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 29 tháng 10 năm 2021/.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an TP Uông Bí;
- Cơ quan THAHS Công an TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thanh Hà